TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 27/3/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Khởi** .

2- Ông **Lâm Thanh Niềm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 107/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Truyền T**, sinh năm 1962 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Truyền T).

Địa chỉ: Ấp KLĐ, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp KN, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1969.

(Vợ ông T, bà D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Truyền T theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2022, có mặt)

Địa chỉ: Ấp KLĐ, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Từ năm 2010, ông Võ Văn C có đến đại lý của ông Nguyễn Truyền T mua vật tư nông nghiệp, thời gian đầu hai bên không xảy ra tranh chấp gì với nhau. Đến năm 2016 thì ông C không mua hàng hóa của đại lý ông T nữa. Số tiền ông C còn nợ ông T là 112.200.000đ (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Nhiều lần ông T đến nhà ông C để đòi tiền, ông C chỉ hứa hẹn để vụ mùa tới trả cho ông T nhưng chỉ hứa suông mà không thực hiện lời hứa. Do vậy ông T nộp đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp KN, xã AMB để giải quyết. Ngày 11/11/2021 Ban lãnh đạo ấp tổ chức hòa giải, ông C thống nhất còn nợ ông T số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và cam kết trả 04 lần nhưng đến thời gian trả thì ông C cũng không trả tiền cho ông T theo thỏa thuận.

Vì vậy, ông Nguyễn Truyền T khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn C trả đủ một lần số tiền còn nợ là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2022 âm lịch (tháng 02/2022 dương lịch) cho đến khi xét xử.

Bị đơn ông Võ Văn C được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Võ Văn C trả cho ông Nguyễn Truyền T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2022 âm lịch (tháng 02/2022 dương lịch) cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bà Nguyễn Thị D đồng ý thời gian tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 01 năm, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Truyền T đối với ông Võ Văn C là tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, cụ thể là mua bán phân, thuốc bảo vệ thực vật, giao dịch được xác lập từ năm 2010 đến năm 2016 các bên đã đối chiếu nợ và chấm dứt giao dịch nhưng do ông C chưa trả tiền đủ cho ông T nên giao dịch này còn đang thực hiện. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị D tham gia phiên tòa. Bị đơn ông Võ Văn C được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ đểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Truyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn C trả cho ông T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2022 âm lịch (tháng 02/2022 dương lịch) cho đến khi xét xử.

Bị đơn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào chứng có trong hồ sơ thể hiện, cụ thể tại Biên bản hòa giải ngày 11/11/2021 của Ban lãnh đạo ấp KN, xã AMB thì ông Võ Văn C thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông T số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) cam kết trả số tiền trên cho ông T chia thành 04 lần, lần thứ nhất vào tháng Giêng âm lịch năm 2022 trả 20.000.000đ, lần thứ hai vào tháng 4 năm 2022 âm lịch trả 30.000.000đ, lần thứ ba vào tháng 8 năm 2022 âm lịch trả 30.000.000đ, lần thứ tư vào tháng 12 năm 2022 âm lịch trả 30.000.000đ. Do ông C không thực hiện theo cam kết nên ông T yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, theo biên bản do chính quyền ấp KN, xã AMB lập vào ngày 04/4/2022 thì chính quyền có liên hệ với gia đình ông C nhưng không tiến triển.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trên có đủ cơ sở đề Hội đồng xét xử xác định được ông Võ Văn C còn nợ ông Nguyễn Truyền T số tiền mua vật tư nông nghiệp là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và hẹn sẽ thanh toán lần đầu vào tháng Giêng năm 2022 âm lịch nhưng ông Võ Văn C không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian trả tiền được quy định Điều 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, ông Nguyễn Truyền T khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn C trả số tiền nợ

110.000.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ để chấp nhận.

Theo biên bản hòa giải ngày 11/11/2021 của Ban lãnh đạo ấp KN, xã AMB thì ông C thỏa thuận sẽ thanh toán nợ cho ông T bắt đầu từ tháng Giêng âm lịch năm 2022 nhưng ông C không thực hiện. Do đó, thời gian tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông Võ Văn C sẽ được tính từ ngày 01/02/2022 âm lịch, tức là 03/03/2022 dương lịch đến ngày xét xử 27/3/2023 là 01 năm 24 ngày. Việc bà Nguyễn Thị D đồng ý tính thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ là 01 năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xữ chấp nhận ý kiến này làm cơ sở xem xét.

Số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà ông Võ Văn C phải trả cho ông T sẽ là 10%/năm x 01 năm x 110.000.000đ = 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Võ Văn C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Truyền T là 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông Võ Văn C phải trả cho ông Nguyễn Truyền T số tiền gốc và lãi còn nợ là 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng), khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 121.000.000đ x 5% = 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)

Ông Nguyễn Truyền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003447 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, khoản 2,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Truyền T đối với ông Võ Văn C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp).

2. Buộc ông Võ Văn C trả cho ông Nguyễn Truyền T số tiền 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 121.000.000đ x 5% = 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Truyền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003447 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện cùng cấp;*
- *THADS huyện cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh